

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2

Câu 1: Việc làm nào sau đây không làm máy tính nhiễm virus?

- A. Soạn thảo văn bản trên MS Word.
- B. Nhấp vào link quảng cáo, trúng thưởng.
- C. Sao chép dữ liệu từ USB lạ.
- D. Tải tài liệu từ link trên facebook.

Câu 2: Trong phần mềm thư điện tử Gmail, ý nghĩa của biểu tượng "Kẹp giấy" xuất hiện bên cạnh các email mà bạn nhận được là:

- A. Cần thận, có virus gắn kèm email đó.
- B. Email có thông tin quan trọng.
- C. Có tập tin đính kèm thư đó.
- D. Bạn bắt buộc phải trả lời email ngay khi đọc.

Câu 3: Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

- A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay.
- B. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.
- C. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn.
- D. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thì kết bạn, không phải thì thôi.

Câu 4: Những hạn chế của mạng xã hội?

- A. Đưa thông tin không chính xác hoặc tin xấu khiến chúng ta tin vào những thông tin sai lệch.
- B. Có thể dễ dàng tiếp cận với những thông tin nguy hiểm, hình ảnh bạo lực.
- C. Nguy cơ bị lừa đảo, đánh cắp thông tin cá nhân.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 5: Những thông tin nào sau đây là thông tin cá nhân của một học sinh?

- A. Họ tên, ngày sinh, địa chỉ nhà, số điện thoại di động.
- B. Tên trường, tên lớp, tên cô giáo chủ nhiệm.
- C. Họ tên của bố mẹ, anh chị em, người thân trong gia đình.
- D. Sở thích chơi thể thao, sở thích âm nhạc, ảnh chụp.
- E. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 6: Biện pháp dưới đây để bảo vệ thông tin cá nhân?

- A. Cảnh giác khi đột nhiên xuất hiện một cửa sổ từ một trang web lại với yêu cầu điền thông tin cá nhân.
- B. Không nên lưu lại mật khẩu trên trình duyệt web với mục đích lần sau dễ dàng đăng nhập.
- C. Hạn chế đăng nhập ở các máy tính công cộng hay sử dụng Wifi công cộng.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 7: Hoạt động chia sẻ thông tin sau đây an toàn?

- A. Nam và Minh là bạn thân. Vì Minh cần gấp, Nam cho mình mượn dùng tài khoản mạng xã hội của mình bằng cách gửi mật khẩu đăng nhập cho Minh qua email.
- B. Nam và Minh là bạn thân. Nam có em nhỏ bị lạc, với mong muốn giúp tìm được em của Nam, Minh tự ý đăng lên mạng xã hội tin nhắn tìm trẻ lạc, trong đó có ảnh em của Nam, địa chỉ nhà, số điện thoại và địa chỉ email của Nam.
- C. Cả 2 đáp án trên đều đúng.
- D. Cả 2 đáp án trên đều sai.

Câu 8: Trang báo điện tử bằng tiếng Việt cung cấp những thông tin đáng tin cậy?

- A. Báo điện tử dân trí.
- B. Báo điện VN Express.
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng.
- D. Cả hai đáp án trên đều sai.

Câu 9: Trong các câu sau đây, câu nào đúng?

- A. Tên trường, tên lớp đang theo học; họ tên của phụ huynh; tên cơ quan nơi bố mẹ đang công tác là những thông tin cá nhân, do vậy không nên dễ dàng tiết lộ cho người lạ.
- B. Danh sách một lớp học (Gồm có họ tên, ngày sinh, giới tính) là thông tin tập thể, nếu tùy tiện công bố rộng rãi thì có thể gây ra hậu quả xấu.
- C. Chỉ người lớn mới cần phải bảo vệ thông tin cá nhân, học sinh chưa đi làm nên không có thông tin gì cần bảo mật.
- D. Đáp án A và B đúng.

Câu 10: Thảo là bạn của Vân, có lần Vân gửi cho Thảo ảnh chụp thẻ học sinh để nhờ Thảo làm thủ tục đăng kí tham gia Câu lạc bộ Tin học. Sau đó, trong một lần tranh luận trên mạng xã hội về của thẻ căn cước công dân, Thảo đã vô tình đưa tấm ảnh đó lên. Mặc dù ngày hôm sau Thảo đã xóa đi, nhưng một thời gian sau có kẻ sử dụng những thông tin trên thẻ căn cước công dân để mạo danh Vân lừa đảo người thân của cô một số tiền lớn.

Em hãy cho biết mỗi mệnh đề sau đây là đúng?

- A. Thảo đã công khai thông tin cá nhân của Vân khi chưa được Vân cho phép.
- B. Vì Vân chủ động gửi bức ảnh cho Thảo nên Thảo có quyền công khai nó.
- C. Ảnh chụp không phải là bản gốc, dù có đưa lên mạng cũng không sao.
- D. Kẻ mạo danh Vân có tội, Thảo không cố ý nên không có lỗi gì cả.

Câu 11: Định dạng văn bản nhằm mục đích gì?

- A. Làm cho văn bản đẹp, dễ nhìn, dễ nhớ.
- B. Làm cho văn bản màu mè hơn.
- C. Làm cho văn bản dễ in ấn.
- D. Làm cho văn bản tốn ít giấy in hơn.

Câu 12. Kaspersky là phần mềm (chương trình) gì?

- A. Là một phần mềm soạn thảo văn bản hay tính toán.
- B. Là một chương trình có khả năng tự nhân bản và có khả năng lây lan.
- C. Là một chương trình có khả năng phát hiện, ngăn chặn virus.
- D. Là một phần mềm sao lưu dữ liệu.

Câu 13: Công việc nào dưới đây không liên quan đến định dạng văn bản?

- A. Sửa lỗi chính tả.
- B. Thay đổi khoảng cách giữa các dòng.
- C. Đổi kích thước trang giấy.
- D. Thay đổi phông chữ.

Câu 14: Chọn phát biểu đúng trong các câu sau đây?

- A. Có thể sử dụng công cụ Tìm kiếm để sửa chữa một số từ viết sai trong văn bản.
- B. Sử dụng công cụ Thay thế có thể tìm được một từ viết sai chính tả.
- C. Ctrl+P có tác dụng mở hộp thoại Tìm kiếm.
- D. Sử dụng công cụ Tìm kiếm và thay thế để sửa nhiều lỗi sai khác nhau.

Câu 15: Theo em, dưới đây đâu là tác hại của Internet

- A. Tích cực học tập, sáng tạo.
- B. Sức khỏe kém, lười suy nghĩ.
- C. Sức khỏe ổn định, vui vẻ.
- D. Sử dụng Internet hợp lí.

Câu 16: Những việc nào sau đây không thể xảy ra nếu bạn bị mất thông tin cá nhân?

- A. Mạo danh để thực hiện hành vi phạm pháp.
- B. Mất tiền từ tài khoản ngân hàng.
- C. Nhận phải thư lừa đảo, đe dọa, bắt nạt.
- D. Không sử dụng được các phần mềm trên máy tính cá nhân.

Câu 17: Hãy chọn biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân trong những biện pháp sau?

- A. Cài đặt phần mềm diệt virus.
- B. Nhấp vào link lạ hay tập tin đính kèm.
- C. Tiết lộ tài khoản và mật khẩu cho người khác.
- D. Tắt tính năng gõ tiếng Việt trên phần mềm Unikey.

Câu 18: Mật khẩu mạnh là mật khẩu:

- A. gồm ít nhất 8 kí tự trong đó có cả chữ hoa, chữ thường, chữ số và kí tự đặc biệt
- B. gồm ít nhất 8 kí tự có chữ cái hoa, chữ cái thường, chữ số
- C. đặt mật khẩu bất kì theo sở thích của mình sao cho dễ nhớ
- D. Mật khẩu càng ngắn càng tốt miễn không để ai biết được

Câu 19: Nên áp dụng những biện pháp nào sau đây để bảo vệ thông tin cá nhân?

- A. Không nhập thông tin cá nhân vào trang web lạ.
- B. Lưu lại mật khẩu cho lần đăng nhập sau.
- C. Thay đổi mật khẩu hàng ngày.
- D. Thường xuyên đăng nhập trên máy tính công cộng.

Câu 20: Theo em, phần mềm diệt Virus là?

- A. Phần mềm Xmind.
- B. Phần mềm soạn thảo.
- C. Phần mềm Bkav.
- D. Phần mềm Paint.

Câu 21: Để mở hộp thoại Replace chúng ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Nhập chọn công cụ Find.
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl+G.
- C. Nhấn tổ hợp phím Ctrl+F.
- D. Nhập chọn công cụ Find and Replace.

Câu 22: Chúng ta sử dụng công cụ tìm kiếm và thay thế để làm gì?

- A. Định dạng đoạn văn bản.
- B. Thụt dòng và tô màu.
- C. Định dạng kí tự.
- D. Sửa chữa các từ viết sai trong văn bản.

Câu 23: Chọn biện pháp đúng để phòng ngừa tác hại trên Internet?

- A. Sử dụng nhiều giờ liên tiếp trong một ngày để tìm hiểu về virus máy tính, từ đó biết cách phòng tránh.
- B. Mở link lạ, link quảng cáo, link trùng thường sẽ làm máy tính chạy nhanh hơn.
- C. Tất cả mọi bài toán đều có thể giải quyết được, chỉ cần tìm trên google.
- D. Chỉ truy cập những website lành mạnh, mỗi ngày sử dụng Internet một hai giờ, không mở link lạ.

Câu 24: Để tìm kiếm một từ hoặc cụm từ em sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Home/ Select.
- B. Home/ Find and Replace.
- C. Home/ Word Typesetting.
- D. Home/ Copy.

Câu 25: Em nên sử dụng webcam khi nào?

- A. Không bao giờ sử dụng webcam.
- B. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng.
- C. Khi nói chuyện với bất kì ai.
- D. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học, người thân,...

Câu 26: Để tìm kiếm bằng hộp thoại Navigation em sử dụng lệnh nào?

- A. Find.
- B. Replace.
- C. Go to.
- D. Select.

Câu 27: Trong các câu sau, câu nào đúng?

- A. Định dạng văn bản bao gồm định dạng kí tự, định dạng đoạn, định dạng trang.
- B. Định dạng trang chính là thay đổi cỡ giấy.
- C. Độ lệch của văn bản so với lề trái chính là lề phải của trang.
- D. Định dạng kí tự và định dạng đoạn có các bước thực hiện hoàn toàn giống nhau.

Câu 28: Việc làm nào sau đây có thể làm máy tính nhiễm virus?

- A. Sao chép dữ liệu từ USB vào máy tính.
- B. Mở tệp tin văn bản trên màn hình Desktop.
- C. Soạn thảo văn bản trên máy tính.
- D. Mở tệp ảnh lưu trong máy tính.

Câu 29: Lệnh Print có công dụng gì khi soạn thảo văn bản?

- A. In văn bản.
- B. Canh lề.
- C. Định dạng kí tự.
- D. Chọn khổ giấy.

Câu 30: Để tăng độ thụt vào của đoạn so với lề trái em chọn lệnh nào sau đây?

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 31: Định dạng trang văn bản là gì?

A. Là xác định lề trên, lề dưới, lề trái, lề phải của trang văn bản.

B. Là xác định tiêu đề trên, tiêu đề dưới, tiêu đề trái, tiêu đề phải của trang văn bản.

C. Là định dạng trang văn bản theo sở thích.

D. Là giãn dòng, giãn đoạn, giãn kí tự.

Câu 32: Công cụ nào sau đây có công dụng canh lề trang?

A. Home

B. Orientation.

C. Size.

D. Margins.

Câu 33: Để dẫn khoảng cách dòng là 1.5 thì em chọn lệnh nào sau đây?

A. 

B. 

C. 

D. 

B. Câu 34: Lệnh nào có chức năng chọn hướng giấy?

A. Margins.

B. Orientation.

C. Size.

D. Page Setup.

Câu 35: Công cụ Tìm kiếm và thay thế có thể tìm thấy và thay thế đối tượng nào sau đây?

A. Chữ và số

B. Các ký hiệu @# \$

C. Các dấu chấm câu.

D. Tất cả đều đúng

Câu 36. Khi truy cập Internet, em nhận được một mẫu điện thông tin cá nhân để nhận thưởng mà không rõ nguồn gốc, em sẽ làm gì?

A. Chia sẻ cho bạn bè để cùng nhận thưởng.

B. Im lặng thực hiện theo yêu cầu.

C. Không thực hiện theo yêu cầu.

D. Rủ người thân cùng thực hiện theo yêu cầu.

Câu 37: Để in trang văn bản em chọn lệnh nào sau đây?

A. Home/Print

B. File/Print

C. File/Printera

D. Home/Printer

Câu 38: Lệnh nào có chức năng điều chỉnh khổ giấy?

A. Margins.

B. Orientation.

C. Size.

D. Page Setup.

Câu 39: Con đường nào không lây truyền virus:

A. Gmail

B. trang web

C. thẻ nhớ, USB

D. màn hình máy tính

Câu 40: Để in văn bản, em có thể sử dụng tổ hợp phím nào sau đây?

A. Ctrl + A

B. Ctrl + V

C. Ctrl + C

D. Ctrl + P

Câu 41: Khi đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên các máy tính công cộng, việc nên làm là:

A. để chế độ tự động đăng nhập

B. để chế độ ghi nhớ mật khẩu

C. không cần phải thoát tài khoản sau khi sử dụng

D. không để chế độ ghi nhớ mật khẩu và đăng xuất tài khoản sau khi sử dụng

Câu 42: Hãy chọn việc cần làm để chia sẻ thông tin an toàn và hợp pháp?

A. Chọn lọc thông tin để tiếp nhận, tránh những thông tin sai sự thật, giả mạo.

B. Đăng thông tin cá nhân lên mạng xã hội, diễn đàn tùy thích.

C. Chia sẻ mọi thông tin dù nó chưa được kiểm chứng.

D. Lan truyền thông tin giả làm tổn thương hay xúc phạm người khác.

Câu 43: Biện pháp nào dưới đây để bảo vệ thông tin cá nhân?

- A. Cảnh giác khi đột nhiên xuất hiện một cửa sổ từ một trang web lại với yêu cầu điền thông tin cá nhân.
- B. Không nên lưu lại mật khẩu trên trình duyệt web với mục đích lần sau dễ dàng đăng nhập.
- C. Hạn chế đăng nhập ở các máy tính công cộng hay sử dụng Wifi công cộng.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 44: Để thay thế từ “me” thành từ “mẹ”, em gõ từ “me” vào ô nào?

- A. Từ “me” gõ vào ô Replace with
- B. Từ “me” gõ vào ô Find what
- C. Máy tính tự phát hiện lỗi chính tả và tự sửa
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 45: Trang báo điện tử bằng tiếng việt cung cấp những thông tin đáng tin cậy?

- A. Vnexpress.net
- B. Vietnamnet.vn
- C. Dantri.com.vn
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 46: Trang web cung cấp dịch vụ kiểm tra độ mạnh của mật khẩu là:

- A. <http://password.kaspersky.com/>
- B. <http://tratu.soha.vn/>
- C. <https://translate.google.com/?hl=vi>
- D. Cả ba đáp án A, B, C đều đúng

Câu 47: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Căn giữa đoạn văn bản.
- B. Chọn chữ màu xanh.
- C. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu 48: Trong các phong chữ dưới đây, phong chữ nào dùng mã Unicode?

- A. VNI-Times.
- B. VnArial.
- C. Time New Roman.
- D. VnTime.

Câu 49: Chức năng của công cụ  Find trong MS Word là gì?

- A. Giúp nhanh chóng thay thế một cụm từ trong toàn bộ văn bản.
- B. Giúp nhanh chóng định dạng 1 cụm từ trong đoạn văn bản.
- C. Giúp nhanh chóng tìm và thay thế một cụm từ trong toàn bộ văn bản.
- D. Giúp nhanh chóng định vị một cụm từ cho trước trong toàn bộ văn bản.

II. Phần tự luận:

Câu 1: Em có nhiều tài khoản mạng xã hội và nhiều ứng dụng khác nhau. Tuy nhiên em sử dụng chung một mật khẩu cho tất cả tài khoản đó. Điều này có nên không? Theo em, nên đặt mật khẩu như thế nào thì an toàn và bảo mật, nhưng em vẫn dễ nhớ?

- Em sẽ không đặt một mật khẩu cho nhiều tài khoản.
- Theo em để có mật khẩu an toàn, nên đặt mật khẩu đủ mạnh và mỗi tài khoản nên đặt một mật khẩu.
- Để mật khẩu dễ nhớ bạn có thể lấy một kỷ niệm đáng nhớ của bạn cộng với một cuốn sách bạn thích hay từ gì bạn thích...

Câu 2: Công cụ Tìm kiếm giúp chúng ta làm gì khi soạn thảo văn bản:

- Công cụ *Tìm kiếm* giúp nhanh chóng định vị được một cụm từ cho trước ở những vị trí nào trong văn bản.

Câu 3: Em nêu các bước trình bày cách thay thế từ “lịch sử” thành từ “quá khứ”?

B1: Nháy chuột vào lệnh **Replace**

B2: Nhập từ “lịch sử” trong ô **Find what**

B3: Nhập từ “quá khứ” vào ô **Replace with**

B4: Nhấn nút **Replace All** để thay thế tất cả từ vừa tìm được

Câu 4: Nêu một số tác hại khi bị kẻ xấu đánh cắp thông tin cá nhân:

- Mạo danh vay tiền, rút tiền từ tài khoản của nạn nhân, gửi thư đe dọa tống tiền, phát tán virus, đe dọa lừa đảo nạn nhân nhằm trục lợi....